

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 7 - 2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Trần Ngọc Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2021/TLST – HNGĐ ngày 14/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm: 1983; ĐKKHKT tại: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở hiện nay: Tập thể Công ty cổ phần Xi măng C – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1991; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2021, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Văn T đều trình bày: Anh và chị Võ Thị L kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm T, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, sau khi kết hôn về sống tại nhà tập thể của Công ty cổ phần Xi măng C tại phường Cẩm T, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng anh sau kết hôn hạnh phúc đến năm 2015 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách anh chị không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề, anh chị đã cho nhau nhiều cơ hội để thay đổi bản thân nhưng

cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn vì khi đó tình hình dịch bệnh Covid căng thẳng, anh chị đã bàn nhau gửi con về quê Bắc Giang ở cùng ông bà nội sau đó lại đón con ra ở chung với hai vợ chồng nhưng chị L lại cho rằng anh không muốn nuôi dưỡng các con chung, anh đã giải thích rất nhiều lần nhưng vì vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa nên chị L không nghe. Từ tháng 01/2021 thì vợ chồng anh quyết định sống ly thân nhau, chị L đưa hai con đi chỗ khác để ở, anh chị không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải cho anh chị nhưng không đạt kết quả, đến nay do không còn tình cảm dành cho chị L nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Anh và chị Võ Thị L có 02 con chung là Đặng Bảo A, sinh ngày xx/x/xxxx và Đặng Khánh C, sinh ngày xx/xx/xxxx, tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho các con, nếu không được nuôi cả hai con chung thì anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho mỗi người được nuôi dưỡng một con chung, anh được quyền nuôi dưỡng con chung Đặng Bảo A còn chị L được quyền nuôi dưỡng con chung Đặng Khánh C. Anh không đồng ý để chị L nuôi dưỡng cả hai con chung vì trong quá trình vợ chồng sống ly thân, chị L là người nuôi dưỡng con nhưng khi con về chơi với anh con của anh chị đều có quan điểm không muốn về ở với mẹ, chị L còn không cho các con liên lạc với ông bà nội, bên cạnh đó chị L còn phải đi làm xa (hiện tại anh chỉ biết chị L làm tại phường M), trong thời gian chị L đi làm thì không có người trông nom, đưa đón các con đi học, gần đây con chung của anh chị đã bị ngã khi không có người trông coi nên anh không yên tâm để chị L nuôi dưỡng các con chung. Hiện nay anh làm công nhân tại Công ty cổ phần xi măng C thu nhập bình quân trên 12 triệu đồng/tháng, anh có chỗ ở ổn định là nhà tập thể do Công ty bố trí, chỗ ở của anh cũng gần trường học, bệnh viện, công việc không phải đi làm xa, khi được nuôi dưỡng con chung anh sẽ đưa bố mẹ xuống ở cùng để hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con chung, đảm bảo con chung sẽ được nuôi dưỡng và phát triển tốt. Nếu được nuôi hai con chung anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con, trường hợp mỗi người nuôi một con thì anh chị không phải cấp dưỡng cho con và đều được quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Võ Thị L có quan điểm như sau: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị đúng như anh T đã trình bày ở trên, cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn chỉ hạnh phúc trong một thời gian ngắn, đến năm 2015 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T còn ham chơi, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng nhiều lần cãi nhau, anh T không kiềm chế được bản thân còn đánh chị nhưng vì thương con nhỏ nên chị vẫn bỏ qua cho anh T. Từ năm 2020 thì mâu thuẫn của anh chị trở lên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do anh T muốn đưa các con về gia đình nhà nội sinh sống, không muốn các con ở cùng với bố mẹ, chị có tìm hiểu lý do thì anh T cho rằng vợ chồng bận đi làm ca không có thời gian để chăm sóc con,

chị không đồng ý với quan điểm của anh T nên vợ chồng lại cãi nhau, anh chị không tìm được tiếng nói chung, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, có lần vợ chồng cãi nhau anh T còn đánh chị, gia đình nhà nội biết chuyện cũng không can thiệp, không hòa giải mà bỏ mặc cho mâu thuẫn của anh chị xảy ra, nên chị không tin tưởng vào tình cảm anh T dành cho chị. Từ tháng 02/2021 anh chị quyết định sống ly thân nhau, anh T vẫn ở nhà tập thể còn chị mua nhà và cùng với các con chuyển đến sinh sống tại tổ M, khu L, phường C, thành phố C. Trong thời gian sống ly thân anh chị không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị đồng ý ly hôn với anh T vì mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm dành cho anh Thường nhưng tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm, nếu anh T không để chị nuôi dưỡng cả hai con chung thì chị cũng không đồng ý ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung đúng như anh T đã trình bày ở trên. Cả hai con chung đều là con gái, từ khi ly thân đã ở với chị và được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên các con vẫn được học hành và phát triển tốt nhất, các con chung lại còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị được nuôi dưỡng. Thực tế từ khi sống ly thân một mình chị đã nuôi dưỡng các con chung, anh T không quan tâm đến con, thời gian gần đây chị có tạo điều kiện để anh T chăm sóc cả hai con chung để bố con gần gũi nhau nhưng anh T cũng không chăm sóc được các con, chỉ trông con được 1 ngày đã phải nhắn tin cho chị đến đón con về. Mặc dù hiện nay chị đi làm xa nhưng trong thời gian đi làm thì có thể nhờ chị gái ruột nhà ở ngay sát cạnh giúp chị chăm sóc các con. Vì những lý do đó, chị không đồng ý để anh T nuôi dưỡng cả hai con chung và cũng không đồng ý quan điểm để anh T nuôi một con chung là Đặng Bảo A vì như vậy sẽ không đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các con. Hiện tại chị cũng có việc làm ổn định tại Công ty Đ TKV và còn làm thêm nên thu nhập bình quân một tháng là 15 triệu đồng, chị có chỗ ở ổn định nên khi được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho các con. Anh T được quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, tuy nhiên về phần con chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định giao cho mỗi đương sự trực tiếp nuôi dưỡng một con chung: Anh T được nuôi dưỡng con chung là Đặng Bảo A còn chị L được quyền nuôi dưỡng con chung Đặng Khánh C, để đảm bảo các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn T yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị L hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Đặng Văn T và chị Võ Thị L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thạch, thành phố C vào năm 2014. Sau kết hôn anh chị về sống tại nhà tập thể của Công ty cổ phần xi măng C thuộc phường Cẩm T, thành phố C. Cả hai anh chị đều cho rằng vợ chồng chỉ hạnh phúc một năm đầu đến năm 2015 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản là do quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, đặc biệt là mâu thuẫn về cách chăm sóc, nuôi dạy các con nên thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn xúc phạm nhau, anh T thì cho rằng không thể tha thứ cho chị L còn chị L cho rằng anh T đã đánh chị nhiều lần, nên không khí gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Từ tháng 2/2021 anh chị đã quyết định sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, gia đình cũng hòa giải cho anh chị nhưng không đạt kết quả. Lời khai của anh T và chị L về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L mà không chấp nhận yêu cầu về đoàn tụ của chị L tại phiên tòa.

+ Về con chung: Anh Đặng Văn T và chị Võ Thị L có hai con chung là Đặng Bảo Anh, sinh ngày 16/5/2015 và Đặng Khánh Chi, sinh ngày 13/01/2018. Tại phiên tòa cả hai anh chị đều giữ nguyên quan điểm: Anh T đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được thì đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung, anh nuôi dưỡng con gái lớn là Đặng Bảo Anh còn chị L nuôi dưỡng con gái nhỏ là Đặng Khánh C, không ai phải cấp dưỡng cho con chung. Chị L không đồng ý quan điểm của anh T và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho các con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả anh T và chị L đều có công việc và thu nhập ổn định, anh chị đều có thể đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung phát triển bình thường, anh T có Giấy xác nhận về việc xác nhận CBCNV ở tại chung cư của đơn vị chủ quản với nội dung anh T có chỗ ở ổn định, đảm bảo an ninh trật tự tốt, chỗ ở gần trường học, bệnh viện... đáp ứng tốt cả yêu cầu cho cuộc sống, ngoài ra anh T

còn có xác nhận mức thu nhập trong 06 tháng liền kề từ trên 8 triệu đồng đến hơn 26 triệu đồng/tháng; Chị L cũng có thu nhập ổn định, theo xác nhận thu nhập tại Công ty cổ phần địa chất mỏ - TKV nơi chị L làm việc thì thu nhập bình quân của chị L trong 06 tháng liền kề là 5.100.000 đồng, ngoài ra chị L chỉ có xác nhận lương làm thêm của tháng 4/2021 là 12.250.000 đồng. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung, không ai đưa được ra căn cứ hạn chế quyền nuôi con theo quy định tại Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, tham khảo ý kiến tại địa phương nơi anh chị hiện sinh sống, đại diện khu phố cũng khẳng định: *“Hiện tại, hai anh chị đều có công việc ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi các con.... Tòa án nên xem xét cho mỗi người được nuôi một con chung để đảm bảo cho các con anh chị được phát triển tốt”*.

Do vậy, để các đương sự đều có nguồn an ủi, động viên và để đảm bảo quyền được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của các đương sự theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cho mỗi đương sự được quyền nuôi dưỡng một con chung mà không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung của các đương sự: Giao con chung là Đặng Bảo A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Đặng Khánh C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo được các điều kiện cần thiết cho sự phát triển cho các con chung của anh chị khi ly hôn. Cả hai đương sự đều có quyền thăm nom các con chung mà không ai được cản trở; Do mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên anh T và chị L không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Văn T với chị Võ Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Bảo Anh, sinh ngày 16/5/2015; Giao cho chị Võ Thị L có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Khánh C, sinh ngày xx/xx/xxxx, cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Văn T và chị Võ

Thị L không phải cấp dưỡng cho con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số: 000xxxx ngày xx/x/xxxx của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

